

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 26
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 22 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 79 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Diệu Thùy	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2017)
Bà: Trần Thanh Hương	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2017)
Ông: Đinh Văn Tòng	Phó chủ tịch	
Ông: Trần Thành Vinh	Thành viên	
Ông: Nguyễn Xuân Thu	Thành viên	
Bà: Trần Minh Quỳnh Dung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2017)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đinh Văn Tòng                                 Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Đoàn Thị Kim Liên	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2017)
Bà: Nguyễn Thị Bích Thùy	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2017)
Bà: Lê Thị Dung	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thu Hương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2017)
Bà: Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2017)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

**Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc**

Số 79 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Chạy mặt Ban Giám đốc



**Đình Văn Tông**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được lập ngày 08 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 12 tháng 08 năm 2016.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

### Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2017

11.01.17  
3

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>35.450.483.167</b>	<b>17.459.287.329</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>33.998.534.440</b>	<b>2.308.887.634</b>
111	1. Tiền		15.998.534.440	2.308.887.634
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>12.960.350.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	14.172.831.727
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1.212.481.727)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.090.916.125</b>	<b>606.269.023</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	314.426.710	40.921.750
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	562.025.300	534.261.273
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	224.695.865	41.317.750
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.231.750)	(10.231.750)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>361.032.602</b>	<b>1.583.780.672</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	361.032.602	388.226.159
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	1.195.554.513
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>51.155.846.316</b>	<b>57.241.769.281</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>50.115.547.751</b>	<b>55.494.645.995</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	50.115.547.751	55.494.645.995
222	- Nguyên giá		83.943.537.851	91.446.342.768
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.827.990.100)	(35.951.696.773)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>259.973.000</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	259.973.000	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>780.325.565</b>	<b>1.747.123.286</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	780.325.565	1.747.123.286
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>86.606.329.483</b>	<b>74.701.056.610</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.356.446.101</b>	<b>6.249.274.090</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.356.446.101</b>	<b>6.125.722.090</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	110.055.838	103.055.838
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	128.789.300	79.102.300
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.586.338.522	466.172.017
314	4. Phải trả người lao động		11.068.303	11.068.303
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		4.800.000	123.882.483
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	2.330.023.076	5.093.490.115
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		185.371.062	248.951.034
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>123.552.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	123.552.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>81.249.883.382</b>	<b>68.451.782.520</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>81.249.883.382</b>	<b>68.451.782.520</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.029.400.000	57.029.400.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		57.029.400.000	57.029.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		9.579.776.684	9.398.766.656
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.640.706.698	2.023.615.864
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.661.595.808	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.979.110.890	2.023.615.864
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>86.606.329.483</b>	<b>74.701.056.610</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Đức Hà

Nguyễn Thị Đức Hà

Đình Văn Tông



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	18.406.747.764	20.596.357.849
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.406.747.764	20.596.357.849
11	4. Giá vốn hàng bán	18	7.240.786.291	10.788.183.387
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.165.961.473	9.808.174.462
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	156.520.948	124.157.688
22	7. Chi phí tài chính	20	(353.576.429)	196.007.819
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	193.828.447
25	8. Chi phí bán hàng	21	176.935.685	300.383.670
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	1.994.848.920	4.567.973.939
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.504.274.245	4.867.966.722
31	11. Thu nhập khác	23	8.416.713.892	2.040.223.873
32	12. Chi phí khác	24	1.644.599.524	1.874.388.561
40	13. Lợi nhuận khác		6.772.114.368	165.835.312
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.276.388.613	5.033.802.034
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.297.277.723	1.386.375.749
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.979.110.890</u>	<u>3.647.426.285</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	2.276	640

Người lập biểu

Nguyễn Thị Đức Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Đức Hà

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đình Văn Tông

TRÁI HẠN HOÀN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		35.375.819.323	22.826.784.351
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.285.066.741)	(26.470.841.820)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.961.482.924)	(4.539.931.277)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(193.828.447)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.419.544.918)	(2.923.173.281)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		564.584.081	6.739.899.495
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.229.499.019)	(6.958.454.444)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>23.044.809.802</b>	<b>(11.519.545.423)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.600.000.000	92.545.455
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		55.676.504	154.268.798
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>8.655.676.504</b>	<b>246.814.253</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	9.958.360.500
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.839.500)	(2.961.481.745)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(10.839.500)</b>	<b>6.996.878.755</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>31.689.646.806</b>	<b>(4.275.852.415)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>2.308.887.634</b>	<b>15.655.125.073</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			(339.015)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>03</b>	<b>33.998.534.440</b>	<b>11.378.933.643</b>

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Đức Hà

Nguyễn Thị Đức Hà

Đinh Văn Tông

0117  
CÔNG  
NHÌEM  
KIỂM  
KẾ  
TÍNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 22 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 79 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: 57.029.400.000 đồng; tương đương 5.702.940 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Gia công sản phẩm may mặc và cho thuê kho, văn phòng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh văn phòng làm việc;
- Kinh doanh kho bãi.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Trong kỳ đơn vị thực hiện hiện chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê của khu đất tại 352 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 02/NQHĐQT-VSMMM ngày 15/02/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vải sợi may mặc Miền Bắc. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng này đạt 6.582.882.308 đồng dẫn đến kết quả kinh doanh của kỳ này tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2016.
- Từ 01/01/2017, hoạt động gia công may mặc của công ty tạm dừng. Công ty tập trung chủ yếu vào hoạt động cho thuê kho nên doanh thu kỳ này giảm 10,63% so với cùng kỳ năm trước.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Xí nghiệp xây dựng	Số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Gia công may mặc
Chi nhánh Công ty CP Vải sợi may mặc miền Bắc - Trung tâm thời trang Hàng Bài,	Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	Cho thuê kho, văn phòng

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập vào thời điểm cuối kỳ:

- Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Một số nhà cửa vật kiến trúc của công ty vừa được sử dụng cho mục đích chủ sở hữu sử dụng vừa được sử dụng để cho thuê. Tuy nhiên, Công ty không tách được riêng rẽ giá trị Tài sản do chủ sở hữu sử dụng và giá trị Tài sản cho thuê, vì vậy Toàn bộ giá trị của các nhà cửa, vật kiến trúc này được Công ty theo dõi trên Khoản mục Tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 50 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 05 - 06 năm |

## 2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.13. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## 2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	168.603.143	102.615.053
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.829.931.297	2.206.272.581
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	-
	<b>33.998.534.440</b>	<b>2.308.887.634</b>

Tại ngày 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 18.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3 %/năm đến 4,8 %/năm.

**4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Quý Phát	246.708.000	-
- Công ty Cổ phần Thành Đô - Chi nhánh tại Hà Nội	34.746.960	50.000
- Công ty TNHH Điện tử HYUNDAI Việt Nam	10.231.750	10.231.750
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bầu trời Phương Đông	18.900.000	18.900.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.840.000	11.740.000
	<b>314.426.710</b>	<b>40.921.750</b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn DMK Việt Nam	-	-	272.727.273	-
- Công ty TNHH Liên doanh Sacidelta	225.300.000	-	225.300.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị Phòng cháy chữa cháy Miền Bắc	317.925.300	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	18.800.000	-	36.234.000	-
	<b>562.025.300</b>	<b>-</b>	<b>534.261.273</b>	<b>-</b>

**6. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	54.364.000	-	19.484.000	-
- Phải thu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam về lãi tiền gửi	100.844.444	-	-	-
- Phải thu khác	69.487.421	-	21.833.750	-
	<b>224.695.865</b>	<b>-</b>	<b>41.317.750</b>	<b>-</b>

05  
3 T  
HH  
EM  
AS  
HAN  
OAI  
TIEN  
P.V

**7. NỢ XẤU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10.231.750	-	10.231.750	-
Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam	10.231.750	-	10.231.750	-
	<b>10.231.750</b>	<b>-</b>	<b>10.231.750</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Cải tạo nhà kho khung thép - Tổng kho Đức Giang	227.753.000	-
- Cải tạo nhà kho khung thép - Nhà kho số 79 Lạc Trung	32.220.000	-
	<b>259.973.000</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	84.724.196.460	3.156.897.324	3.565.248.984	91.446.342.768
- Thanh lý, nhượng bán	(6.925.945.774)	(425.059.143)	(151.800.000)	(7.502.804.917)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>77.798.250.686</b>	<b>2.731.838.181</b>	<b>3.413.448.984</b>	<b>83.943.537.851</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	31.026.714.907	2.506.568.540	2.418.413.326	35.951.696.773
- Khấu hao trong kỳ	1.447.042.716	176.935.685	42.547.606	1.666.526.007
- Thanh lý, nhượng bán	(3.297.857.466)	(425.059.143)	(67.316.071)	(3.790.232.680)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>29.175.900.157</b>	<b>2.258.445.082</b>	<b>2.393.644.861</b>	<b>33.827.990.100</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	53.697.481.553	650.328.784	1.146.835.658	55.494.645.995
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>48.622.350.529</b>	<b>473.393.099</b>	<b>1.019.804.123</b>	<b>50.115.547.751</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.541.493.841 VND



**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng	121.141.263	239.872.366
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	50.325.213	34.867.532
- Chi phí bảo hiểm cháy nổ	95.285.625	38.454.747
- Các khoản khác	94.280.501	75.031.514
	<b>361.032.602</b>	<b>388.226.159</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa văn phòng	699.843.632	1.529.934.292
- Hệ thống camera, đèn chiếu sáng	73.112.774	165.604.832
- Các khoản khác	7.369.159	51.584.162
	<b>780.325.565</b>	<b>1.747.123.286</b>

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo người bán có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Thiết bị Phòng cháy chữa cháy Gia Lâm	93.045.600	93.045.600	93.045.600	93.045.600
- Công ty Cổ phần Thang máy và Công nghệ HEXACORP	7.000.000	7.000.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	10.010.238	10.010.238	10.010.238	10.010.238
	<b>110.055.838</b>	<b>110.055.838</b>	<b>103.055.838</b>	<b>103.055.838</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hàn Việt	16.709.000	16.709.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm CMC Việt Nam	-	16.250.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ mỹ phẩm Thiên An	16.650.000	16.650.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xuất nhập khẩu Chu Gia	31.680.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TACO Việt Nam	15.225.000	-
- Công ty TNHH Thủy sản và Thú y Đặng Lê	13.200.000	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	35.325.300	29.493.300
	<b>128.789.300</b>	<b>79.102.300</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	458.315.500	2.801.330.228	1.362.177.814	-	1.897.467.914
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.195.554.513	-	3.297.277.723	1.419.544.918	-	682.178.292
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7.856.517	30.856.963	32.021.164	-	6.692.316
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	3.328.594.035	3.328.594.035	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b>1.195.554.513</b>	<b>466.172.017</b>	<b>9.463.058.949</b>	<b>6.147.337.931</b>	<b>-</b>	<b>2.586.338.522</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	12.363.061	12.363.061
- Kinh phí công đoàn	12.903.580	19.870.200
- Nhận ký quỹ, ký cược tiền thuê kho, văn phòng	2.065.737.280	2.002.341.780
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.521.741	27.931.741
- Các khoản phải trả phải nộp khác	222.497.414	3.030.983.333
<i>Phải trả Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội</i>	<i>30.983.333</i>	<i>30.983.333</i>
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Trường Hà</i>	<i>191.514.081</i>	<i>3.000.000.000</i>
	<b>2.330.023.076</b>	<b>5.093.490.115</b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>8.028.766.656</b>	<b>8.048.014.298</b>	<b>73.106.180.954</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	3.647.426.285	3.647.426.285
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	1.370.000.000	(1.370.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.370.000.000)	(1.370.000.000)
Cổ tức phải trả	-	-	(2.912.541.000)	(2.912.541.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>9.398.766.656</b>	<b>6.042.899.583</b>	<b>72.471.066.239</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>9.398.766.656</b>	<b>2.023.615.864</b>	<b>68.451.782.520</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	12.979.110.890	12.979.110.890
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	181.010.028	(181.010.028)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(181.010.028)	(181.010.028)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>9.579.776.684</b>	<b>14.640.706.698</b>	<b>81.249.883.382</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 18/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016		3.620.200.566
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	5%	181.010.028
Trích Quỹ Phúc lợi tập thể	5%	181.010.028
Chi trả cổ tức (*)		3.992.058.000
(*) Phần cổ tức này đã được chi tạm ứng theo Nghị quyết số 11/NQHĐQT-VSMMMB ngày 07/07/2016 của Hội đồng Quản trị		

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và công nghiệp Delta	19.960.290.000	35,00%	19.960.290.000	35,000%
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng công nghệ Delta-V	19.960.290.000	35,00%	19.960.290.000	35,000%
- Bà Trần Minh Quỳnh Dung	6.171.870.000	10,82%	6.171.870.000	10,820%
- Các Cổ đông khác	10.936.950.000	19,18%	10.936.950.000	19,180%
	<b>57.029.400.000</b>	<b>100%</b>	<b>57.029.400.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	57.029.400.000	57.029.400.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	57.029.400.000	57.029.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	2.912.541.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.702.940	5.702.940
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.702.940	5.702.940
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.702.940	5.702.940
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.702.940	5.702.940
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**e) Các quỹ của Công ty**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.579.776.684	9.398.766.656
	<b>9.579.776.684</b>	<b>9.398.766.656</b>

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	30/06/2017	01/01/2017
- Đô la Mỹ	USD	1.878,94	1.885,44

**17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu gia công	-	3.044.690.748
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.406.747.764	17.551.667.101
	<b>18.406.747.764</b>	<b>20.596.357.849</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn gia công	-	3.179.614.751
Giá vốn dịch vụ	7.240.786.291	7.608.568.636
	<b>7.240.786.291</b>	<b>10.788.183.387</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	156.520.948	124.157.688
	<b>156.520.948</b>	<b>124.157.688</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	-	193.828.447
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(1.222.713.477)	-
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	869.137.048	-
Chi phí tài chính khác	-	2.179.372
	<b>(353.576.429)</b>	<b>196.007.819</b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.935.685	274.901.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	16.946.815
Chi phí khác bằng tiền	-	8.535.000
	<b>176.935.685</b>	<b>300.383.670</b>

Y  
 U HAI  
 TOÁN  
 C  
 TP. H

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	707.251.703	2.074.131.450
Thuế, phí, và lệ phí	20.100.000	50.645.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.499.650	1.782.976.616
Chi phí khác bằng tiền	1.154.997.567	660.220.519
	<b>1.994.848.920</b>	<b>4.567.973.939</b>

## 23. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với đất thuê (*)	6.560.155.035	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	22.727.273	92.545.455
Tiền trông giữ xe	198.380.905	246.195.753
Tiền điện nước của các đối tượng thuê kho, văn phòng	1.634.899.214	1.690.982.665
Thu nhập khác	551.465	10.500.000
	<b>8.416.713.892</b>	<b>2.040.223.873</b>

(\*): Công ty thực hiện hiện chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất thuê tại 352 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội cho Công ty Cổ phần Trường Hà theo Nghị quyết số 02/NQHĐQT-VSMMMB ngày 15/02/2016 của Hội đồng Quản trị. Giá trị chuyển nhượng là 10.545.454.545 đồng (chưa bao gồm VAT), giá trị còn lại của tài sản cố định là 3.712.572.237 đồng, các chi phí liên quan đến công tác chuyển nhượng là 272.727.273 đồng.

## 24. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền điện nước của các đối tượng thuê kho, văn phòng	1.564.804.004	1.615.909.314
Các khoản bị phạt	23.000.000	220.448.677
Chi phí khác	56.795.520	38.030.570
	<b>1.644.599.524</b>	<b>1.874.388.561</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.716.233.578	5.033.802.034
Các khoản điều chỉnh tăng	210.000.000	408.579.245
- Chi phí không hợp lệ	187.000.000	188.130.568
- Các khoản phạt vi phạm hành chính	23.000.000	220.448.677
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.926.233.578	5.442.381.279
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	297.899.493
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.985.246.716</b>	<b>1.386.375.749</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(1.195.554.513)	1.893.447.318
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.419.544.918)	(2.923.173.281)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>(629.852.715)</b>	<b>356.649.786</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	6.560.155.035	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.560.155.035	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.312.031.007</b>	-
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản</b>	<b>1.312.031.007</b>	-
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.297.277.723	1.386.375.749
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>682.178.292</b>	<b>356.649.786</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.979.110.890	3.647.426.285
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.979.110.890	3.647.426.285
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.702.940	5.702.940
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.276</b>	<b>640</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	6.843.750
Chi phí nhân công	2.285.295.525	4.672.818.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.666.526.007	1.595.395.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	383.990.559	5.089.124.898
Chi phí khác bằng tiền	5.076.758.805	4.298.282.132
	<b>9.412.570.896</b>	<b>15.662.465.437</b>

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.998.534.440	-	2.308.887.634	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	539.122.575	(10.231.750)	82.239.500	(10.231.750)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	14.172.831.727	(1.212.481.727)
	<b>34.537.657.015</b>	<b>(10.231.750)</b>	<b>16.563.958.861</b>	<b>(1.222.713.477)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Phải trả người bán, phải trả khác  
Chi phí phải trả

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả người bán, phải trả khác	2.440.078.914	5.320.097.953
Chi phí phải trả	4.800.000	123.882.483
	<b>2.444.878.914</b>	<b>5.443.980.436</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	12.960.350.000	-	-	12.960.350.000
	<b>12.960.350.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.960.350.000</b>

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.998.534.440	-	-	33.998.534.440
Phải thu khách hàng, phải thu khác	528.890.825	-	-	528.890.825
	<b>34.527.425.265</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.527.425.265</b>

**Tại ngày 01/01/2017**

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.308.887.634	-	-	2.308.887.634
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72.007.750	-	-	72.007.750
	<b>2.380.895.384</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.380.895.384</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
	xuống	đến 5 năm		
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.440.078.914	-	-	2.440.078.914
Chi phí phải trả	4.800.000	-	-	4.800.000
	<b>2.444.878.914</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.444.878.914</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.196.545.953	123.552.000	-	5.320.097.953
Chi phí phải trả	123.882.483	-	-	123.882.483
	<b>5.320.428.436</b>	<b>123.552.000</b>	<b>-</b>	<b>5.443.980.436</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29. THÔNG TIN KHÁC**

- Theo Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMMMB ngày 07/11/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc, Hội đồng Quản trị đã thông qua Báo cáo đầu tư "Dự án Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê (Dự án Red River View)". Theo đó, Công ty đang tiến hành lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án "Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ để bán hoặc cho thuê" tại khu đất số 79 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến là 1.300 tỷ đồng được xây dựng trên khu đất rộng 12.407 m<sup>2</sup> với quy mô xây dựng là 03 tầng hầm, 24 tầng nổi và tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 145.000 m<sup>2</sup>. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ năm 2017 đến năm 2020.
- Theo Nghị quyết số 12/NQHĐQT-VSMMMB ngày 07/11/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc, Hội đồng Quản trị đã thông qua kế hoạch tăng vốn để thực hiện dự án nêu trên bằng cách phát hành bổ sung cổ phiếu mới. Tổng số cổ phần dự kiến phát hành thêm là 12.318.350 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến là 180.212.900.000 đồng. Thời gian phát hành sẽ được Hội đồng quản trị Công ty quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp phép.

**30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cho thuê tài sản chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	269.800.000	308.740.000



### 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Đức Hà

Nguyễn Thị Đức Hà

Đinh Văn Tông

